

Bản án số: 20/2022/DSST
Ngày : 20- 9-2022
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
dân sự vay K sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Vũ Yên và ông Nguyễn Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đại, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2022/TLST-DS ngày 21/6/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay K sản*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 18/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn S, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. Ông Huỳnh Trọng D, sinh năm 1962 (Chết ngày 01/6/2019).

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Trọng D:

1. Huỳnh Trọng K, sinh năm 1989;

2. Huỳnh Thị Hoài L, sinh năm 1996.

Đồng trú tại: Khu phố H, thị trấn S, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Anh K, chị L ủy quyền cho bà Trịnh Thị M, sinh năm 1964 (là mẹ ruột). Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn S, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên (*Theo giấy ủy quyền lập ngày 17/6/2022 có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên*) để tham gia tố tụng tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ M, sinh năm 1975;

2. Ông Đoàn Đỗ Q, sinh năm 1970;

Đồng trú tại: Thôn J, xã S, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn bà M có mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Q có mặt tại phiên tòa; Bị đơn bà M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trịnh Thị M trình bày: Vào ngày 07/12/2010 ông Q và bà M có mượn của vợ chồng tôi 07 (Bảy) cây vàng SJC. Sau đó đã trả cho vợ chồng tôi 02 lần được 04 cây vàng SJC, mỗi lần trả được 02 cây vàng SJC. Hiện nay, ông Q và bà M còn nợ lại 03 cây vàng SJC. Nay tôi yêu cầu ông Q và bà M phải có trách nhiệm liên đới trả cho tôi 03 cây vàng SJC. Tôi không yêu cầu tính lãi.

Theo K liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Đoàn Đỗ Q trình bày: Tôi (Q) thống nhất trong thời gian tôi và bà M còn là vợ chồng có vay vợ chồng bà M ông D 07 cây vàng SJC, sau đó đã trả được 04 cây vàng SJC và đến nay còn nợ lại 03 cây vàng SJC. Nay hai chúng tôi đã ly hôn thì bà Trịnh Thị M kiện chúng tôi trả nợ 03 cây vàng SJC. Tôi (Q) thống nhất mỗi người trả $\frac{1}{2}$ 03 cây vàng SJC cho bà M. Tôi (Q) có trách nhiệm trả 1,5 cây vàng SJC cho bà M, còn phần bà M có trách nhiệm trả 1,5 cây vàng SJC cho bà M. Tôi (Q) xin trả dần mỗi tháng 0,5 phân vàng SJC, thời gian trả bắt đầu từ tháng 07/2022 trở đi. Tôi đã có đơn gửi Tòa án giải quyết tranh chấp K sản sau khi ly hôn với bà M, khi nào Tòa án giải quyết xong tôi sẽ trả hết cho bà M.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M: Liên tục vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Bà M không có lời trình bày hoặc có đơn phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặc dù Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không đến Tòa để tham gia phiên hòa giải và tham dự phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Q và bà M phải có trách nhiệm liên đới trả đủ 03 cây vàng SJC cho vợ chồng bà và không tính lãi suất. Đối với phần trả nợ của ông Q, bà M giữ nguyên ý kiến theo biên bản hòa giải ngày 27/6/2022 cho ông Đoàn Đỗ Q trả cho vợ chồng bà 1,5 cây vàng SJC, đồng ý cho ông Q trả mỗi tháng 0,5 phân vàng SJC, thời gian trả bắt đầu từ tháng 07/2022 trở đi cho đến khi trả xong. Hiện nay ông Q đã trả được 01 chỉ vàng SJC cho tôi. Riêng đối với phần bà nợ của bà M thì tôi (M) yêu cầu trả đủ 01 (một) lần 1,5 cây vàng SJC cho vợ chồng bà.

- Bị đơn ông Q xác nhận hiện nay ông còn nợ và chấp nhận trả nợ 1,5 cây vàng SJC cho nguyên đơn bà M nhưng ông Q đã trả được 01 chỉ vàng SJC cho bà

M nên ông Q đồng ý tiếp tục trả cho vợ chồng bà M 1,4 cây vàng SJC, trả mỗi tháng 0,5 phân vàng SJC. Thời gian trả bắt đầu từ tháng 07/2022 trở đi cho đến khi trả xong.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà phát biểu sự tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và HĐXX thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn ông Đoàn Đỗ Q chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa; bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề HĐXX xét xử vụ án vắng mặt bà M.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Q, bà M phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn, cụ thể: Ông Q có trách nhiệm tiếp tục trả 1,4 cây vàng cho nguyên đơn và bà M có trách nhiệm trả đủ 1,5 cây vàng cho nguyên đơn. Nguyên đơn bà M và bị đơn ông Q tự nguyện thỏa thuận về phương thức trả nợ nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ tranh chấp: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay K sản”.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đoàn Đỗ Q, bà Nguyễn Thị Mỹ M đều cư trú tại thôn J, xã S, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại các Điều 184 và 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] *Xét đơn ủy quyền*: Vào năm 2010 vợ chồng bà Trịnh Thị M và ông Huỳnh Trọng D có cho vợ chồng ông Q, bà M vay 07 cây vàng SJC. Đến ngày 01/6/2019 ông Huỳnh Trọng D chết nên Tòa án xác định các con của ông D là Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thị Hoài L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Trọng D để tham gia tố tụng tại phiên tòa dân sự sơ thẩm. Anh K, chị L có giấy ủy quyền cho mẹ là bà Trịnh Thị M để đại diện tham gia tố tụng tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên việc ủy quyền này là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[4] *Về nội dung tranh chấp*: Xét thấy, vào ngày 7/12/2010 bà Nguyễn Thị Mỹ M và ông Đoàn Đỗ Q có mượn của vợ chồng bà Trịnh Thị M, ông Huỳnh Trọng D (*Ông D chết năm 2019*) 07 cây vàng SJC, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay K sản. Bị đơn ông Đoàn Đỗ Q thừa nhận có vay và đã trả được 04 cây vàng SJC và hiện nay còn nợ nguyên đơn bà M, ông D 03 cây vàng SJC là có thật. Quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu:

[4.1] Đối với phần nợ của ông Đoàn Đỗ Q: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M thống nhất cho ông Q trả $\frac{1}{2}$ số nợ (*tức 1,5 cây vàng SJC*) và nguyên đơn bà M, bị đơn ông Q đều xác nhận ông Q đã trả được 01 (một) chỉ vàng SJC. Bà M, ông Q tự nguyện thỏa thuận về phương thức trả nợ còn lại 1,4 cây vàng SJC theo biên bản hòa giải ngày 27/6/2022 là ông Q trả dần mỗi tháng 0,5 phân vàng SJC, thời gian trả nợ từ tháng 7/2022 trở đi cho đến khi trả hết số vàng nợ trên và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy việc các đương sự thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận về phương thức trả nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4.2] Đối với phần nợ của bà Nguyễn Thị Mỹ M: Bà Trịnh Thị M yêu cầu bà M phải trả $\frac{1}{2}$ là 1.5 cây vàng SJC cho nguyên đơn một lần hết số nợ và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu này của bà M: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không có văn bản trình bày gửi cho Tòa án và cũng không có đơn phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên HĐXX không xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai tại phiên tòa của bị đơn ông Q xác nhận trước kia ông và bà M còn là vợ chồng có vay 07 cây vàng SJC của vợ chồng bà M và xác nhận hiện nay còn nợ 03 cây vàng SJC chưa trả. HĐXX xác định đây không phải là tình tiết, sự kiện không

phải chứng M nên có căn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc bà M phải có trách nhiệm trả đủ 1,5 cây vàng SJC cho nguyên đơn bà M.

Từ những phân tích [4.1] và [4.2], HĐXX căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận và buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ (mỗi người trả 1,5 cây vàng SJC, ông Q đã trả 01 (một) chỉ vàng SJC cho nguyên đơn) về khoản tranh chấp hợp đồng vay K sản là có cơ sở.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch. (Giá vàng SJC ngày 20/9/2022 là 66.400.000đ/1cây).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 185 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị M.
2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M, ông Đoàn Đỗ Q có trách nhiệm liên đới trả đủ cho nguyên đơn bà Trịnh Thị M, cụ thể:
 - 2.1 Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M có nghĩa vụ trả đủ cho nguyên đơn bà Trịnh Thị M 1,5 cây vàng SJC.
 - 2.2 Buộc bị đơn ông Đoàn Đỗ Q tiếp tục có nghĩa vụ trả đủ cho nguyên đơn bà Trịnh Thị M 1,4 cây vàng SJC. Thời gian trả từ tháng 7/2022, mỗi tháng trả 0,5 phân vàng SJC cho đến khi trả hết nợ 1,4 cây vàng SJC.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 66.400.000 \text{ đồng} \times 1,5 \text{ cây vàng} = 4.980.000 \text{ đồng}$. Buộc bị đơn ông Đoàn Đỗ Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là $2,5\% \times 66.400.000 \text{ đồng} \times 1,4 \text{ cây vàng} = 2.324.000 \text{ đồng}$ nhưng bà M tự nguyện nộp thay cho ông Q nên trừ vào số tiền 5.075.000 đồng bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002805 ngày 21/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trịnh Thị M 2.751.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND huyện Sơn Hòa;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Trung